

CHÚNG KHÓ ĐỌC, KHÓ VIẾT Ở HỌC SINH - MỘT SỐ ĐIỀU GIÁO VIÊN CẦN QUAN TÂM

○ NGUYỄN THỊ HẠ NI*

1. Hiện nay, mặc dù trẻ bị *thiếu năng học tập* (TNHT) chiếm gần nửa số trẻ bị tật, song dạng thiếu năng này lại bị hiểu sai một cách phổ biến. Có bốn tiêu chí chủ yếu để cân nhắc xem có phải trẻ bị TNHT hay không. Tiêu chí thứ nhất liên quan đến sự không thống nhất giữa chỉ số thông minh và thành tích học tập. Điều này có nghĩa là, trẻ không đạt được hết tiềm năng khi được trắc đạt bởi một trắc nghiệm IQ tiêu chuẩn. Cách truyền thống trong đo lường sự không thống nhất đó nhằm so sánh tuổi trí tuệ (mental age) thu được từ một trắc nghiệm trí thông minh với trình độ tương đương thu được từ một trắc nghiệm thành quả học tập tiêu chuẩn. Trước đây, khác biệt khoảng từ hai năm trở lên đã thường đủ chỉ ra một dạng TNHT. Tuy nhiên, trong quá trình giáo dục một trẻ em, hai năm dưới trình độ kì vọng lại không quan trọng để nhìn nhận một cách công bằng. Do đó, nhiều công thức đặc biệt đã được phát triển nhằm đóng góp vào công việc đặc thù này ở mọi cấp học. Tuy vậy, do một số công thức bị sai sót về mặt thống kê, cộng thêm một số vấn đề về lí thuyết, hiện nay đang nổi lên một cuộc tranh luận cấm sử dụng sự không thống nhất giữa chỉ số thông minh và thành tích học tập như tiêu chí nhận dạng TNHT.

Ba tiêu chí nữa phải có nhằm sử dụng thuật ngữ TNHT, bao gồm: 1) *Khó khăn trong học đọc, viết, làm toán, hoặc nói*; 2) *Khó khăn học tập không do chậm phát triển trí tuệ, khiếm thị, khiếm thính, các bất lợi về môi trường, hay rối loạn xúc cảm*; 3) *Khó khăn học tập do bất thường về chức năng hệ thần kinh trung ương*. Nói cách khác, gốc rễ gây ra TNHT nằm ở sinh lí học thần kinh.

Một trong những dạng TNHT đặc thù là chứng *khó đọc, khó viết* (KD, KV). Thống kê gần đây chỉ ra chứng KD, KV ảnh hưởng từ 10 đến 20% dân số (1). Hiểu một cách chung nhất: «*Chứng KD, KV là một dạng phức hợp các thiếu năng thần kinh làm hạn chế khả năng nhận diện biểu tượng, xử lí và đồng hóa ngôn ngữ có trình tự*» (Hày hình dung khó khăn mà bạn có thể mắc phải trong

học tập nếu xử lí biểu tượng MÈO bằng cách lấy ra hình ảnh về loài mèo ưa thích, não bạn lần này lại nhận tín hiệu vô nghĩa như *&# và lần khác lại có thể là OEM).

Một lưu ý quan trọng là chứng KD, KV xảy ra liên tục, nghĩa là trường hợp này rất khác trường hợp kia, và có thể ít khó khăn hơn trong một trường hợp khác.

2. Một vài gợi ý cho giáo viên (GV) khi dạy học sinh (HS) bị chứng KD, KV

Nhận dạng HS là bước đầu tiên GV cần tiến hành khi làm việc với HS bị TNHT đặc thù. Rõ ràng là, trẻ càng sớm được nhận dạng thì càng sớm được hỗ trợ đối phó với chứng TNHT nên sẽ giảm khả năng thất bại liên tiếp, tâm trạng thất vọng và những hệ quả tâm lí méo mó sau này.

Cần nhớ rằng, không bao giờ nên chẩn đoán chứng KD, KV ở trẻ trước 7 tuổi bởi vì, ở một số trẻ, có những kĩ năng phát triển chậm hơn những trẻ thông thường. Ví dụ, khả năng hoán vị câu từ, hình ảnh, có thể phát triển bình thường sau độ tuổi này. Bên cạnh đó, khi GV là một trong những người đầu tiên thấy các dấu hiệu của chứng KD, KV, họ có thể không phải là người chẩn đoán đáng tin cậy nhất. Chẩn đoán chính thức phải được tiến hành bởi một nhà tâm lí học được đào tạo chuyên sâu về chẩn đoán các chứng TNHT. Tuy nhiên, GV có thể giữ vai trò người giới thiệu phù hợp nhất trong các kiểm tra như vậy. Trên cơ sở nắm rõ những cảnh báo trên, GV cần quan sát một số đặc điểm nổi bật sau: 1) Một số kĩ năng đọc kém xa các bạn cùng học mà không biết rõ nguyên do; 2) Thường xuyên hiểu ngược từ hoặc chữ cái (ví dụ: *b* và *d*; *mến* và *nến*); 3) Chữ viết rất khó đọc; 4) Nhầm lẫn bên phải và bên trái và không có khuynh hướng rõ ràng trong dùng tay nào thuận; 5) Có người thân trong gia đình cũng đọc kém mà không biết rõ nguyên do; 6) Tỏ ra vựng về và non nớt so với các bạn cùng lứa tuổi; 7) Nhầm lẫn trong phân biệt các khái

* Học viên cao học Giáo dục học - Học viện Chính trị

niệm như «lên» - «xuống» hoặc «hôm qua» - «ngày mai»; 8) Mặc những lỗi phát âm kì dị; 9) Đặc biệt khó khăn trong học và ghi nhớ từ ngữ hoặc biểu tượng in; 10) Gặp rắc rối với tập thể và giải quyết những nhiệm vụ hay thực hiện các chỉ dẫn đơn giản; 11) Học nói muộn hơn các bạn cùng lứa tuổi.

3. Một số biện pháp trong dạy học trẻ mắc chứng KĐ, KV

1) Cho trẻ được trị liệu đọc. Nhiều nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng phương pháp phát âm đúng đặc biệt hữu hiệu với chứng KĐ, KV.

2) Sử dụng phương tiện hỗ trợ thay thế, như máy vi tính, sẽ cho phép HS bị mắc chứng KĐ, KV thể hiện ý tưởng của mình mà không phải lo ngại các vấn đề kĩ thuật như chính tả và chữ viết.

3) Dùng sách nói (sách được đọc thu vào băng), phim ảnh hỗ trợ giáo cụ in ấn.

4) Dùng tài liệu đánh máy khổ in lớn thay vì tài liệu viết tay.

5) Nhờ HS trong lớp tham gia viết bằng giấy than.

Đối với những trường hợp mắc chứng KĐ, KV có hội chứng thị giác nhạy cảm trong bóng tối (khoảng 50% người mắc chứng KĐ, KV bị hội chứng này), hãy sử dụng mắt kính màu (tinted glasses) hoặc kính ảnh phim đèn chiếu hắt (overhead transparency). Với nhóm trường hợp này, sẽ khó khăn khi lọc các bước sóng ánh sáng nhất định (đây là vấn đề tri giác nói chung chứ không phải là vấn đề thị giác), bằng mắt kính màu hoặc kính ảnh phim đèn chiếu hắt, đối với nhiều người mắc chứng KĐ, KV, họ sẽ thấy bình thường khi từ ngữ in trên một trang thay vì nhảy vòng quanh hoặc xóa mờ trang giấy. □

Tài liệu tham khảo

1. <http://en.wikipedia.org/wiki/Dyslexia>
2. http://kidshealth.org/kid/health_problems/learning_problem/learning_disabilities.html?tracking=K_RelatedArticle
3. <http://www.ecademy.com/node.php?id=41318>
4. Tan Oon Seng. *Educational Psychology: A Practitioner - Researcher Approach* (An Asian Edition), Thomas Learning Inc., Singapore, 2003.

SUMMARY

Based on criteria for identifying dyslexia, a complex of neurological disabilities that inhibit symbol recognition and the orderly processing and assimilation of language, this paper recommends some implications for classroom teachers to work with dyslexic students in order to help them learn better.

Mấy vấn đề về phát triển...

(Tiếp theo trang 22)

viết là soạn thảo văn bản). Những quy định trong chương trình dễ nhận thấy mang nghĩa thứ nhất: chỉ chú trọng chuẩn bị cho trẻ những thao tác bên ngoài và còn quá ít chuẩn bị cho trẻ những thao tác bên trong (hành động trí tuệ) có liên quan đến đọc viết.

3) Chưa có nhiều các nghiên cứu lĩnh vực phát triển khả năng TĐ-V tuổi MN (ngoài luận án Tiến sĩ của Phan Thị Lan Anh: «Nghiên cứu về việc sử dụng trò chơi để phát triển khả năng TĐ-V trẻ 5-6 tuổi» và một số luận văn thạc sĩ khác). Vì vậy, rất cần có nhiều nghiên cứu hơn nữa làm chỗ dựa cho các nhà soạn thảo chương trình, quản lí giáo dục MN đổi mới, bổ sung các nội dung chuẩn bị khả năng TĐ-V vào chương trình quy định cho các độ tuổi. Bên cạnh đó, cần xác định một số hướng nghiên cứu trong lĩnh vực này như: thiết kế và khai thác môi trường chữ viết trong trường MN để phát triển khả năng TĐ-V cho trẻ; nghiên cứu hệ thống sách, truyện tranh, các sản phẩm in ấn dành riêng cho trẻ các độ tuổi; ứng dụng công nghệ thông tin vào việc cho trẻ làm quen với chữ viết; chú trọng các đề tài nghiên cứu nội dung, phương pháp chuẩn bị khả năng TĐ-V hướng vào các hành động trí tuệ bên trong của trẻ (như đọc hiểu văn bản, soạn văn bản,...). □

Tài liệu tham khảo

1. Phan Thị Lan Anh. *Sử dụng trò chơi nhằm phát triển khả năng tiền đọc-viết ở trẻ mẫu giáo lớn (5-6 tuổi) trong trường mầm non*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, 2009.
2. Bộ GD-ĐT. *Chương trình giáo dục mầm non*, 2009
3. Morrow M.L. *Assessing preschool literacy development*. International Reading Association, Inc., USA, 2009.
4. Otto Beverly. *Language development in early childhood*. Northeast Illinois University, USA, 2010.
5. Susan M.G., Eileen M. Burke. *An Intergrated Approach to Early Literacy*. Allyn and Bacon, USA, 2002.

SUMMARY

Emergent literacy development is a very important field of the preparation for the early children entered school. However, this problem in our country compared with many countries in the world is outdated and backward on both research and implementation areas. It is very necessary to make attentions, contributions of researchers and managers in early childhood so we could do better language and emergent literacy development tasks in preschools.